

Bản án số:10/2022/HS-ST
Ngày 18 - 3 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Huân

2. Bà Lưu Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P - sinh ngày 16 tháng 11 năm 1998 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 3, xã T, thị xã P tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1965 và bà Hà Thị T (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Bản án số 99/2016/HSST ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn P 26 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Do P kháng cáo nên tại bản án số 937/2016/HS-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của P: Giữ nguyên bản án số 99/2016/HSST ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, P chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2019, nộp xong án phí và về phân trách nhiệm dân sự các bị hại không yêu cầu P phải bồi thường. Lỗi phạm tội này của P thuộc trường hợp nghiêm trọng, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án, P là người dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/10/2021, chuyển tạm giam ngày

13/10/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.(Có mặt).

+Bị hại:

1.Chị Mai Thanh B - sinh năm 2002. Trú tại: Khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

2.Chị Đỗ Thị D - sinh năm 1990.Trú tại: Tổ 6, khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Quang V - sinh năm 1988. Trú tại: Khu 8, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 06/10/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn P đi bộ lang thang đến khu vực phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, mục đích tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến gia đình chị Đỗ Thị D ở khu dân cư T, phường Hùng V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, P quan sát thấy cửa cổng nhà chị D đóng, trong sân có dựng 01 xe mô tô, trên tay lái xe mô tô có treo 01 chiếc túi xách bên trong có tiền, nên P quyết định sẽ trộm cắp tiền trong chiếc túi. Do nhà chị D có lắp hệ thống camera an ninh; để tránh bị phát hiện, P bịt khẩu trang kín mặt, trèo lên đầu một mảnh vải nhét được ở gần đó và dùng đoạn tre dài hơn 2 mét tìm được ở ven đường, luồn qua khe cửa cổng, khều chiếc túi ra ngoài. P cầm túi lục soát, lấy được 3.820.000 đồng rồi trả lại chiếc túi vào trong sân nhà chị Duyên. Trên đường về nhà, P vứt bỏ chiếc khẩu trang và mảnh vải trèo đầu. Sau khi trộm cắp được tiền, P đến nhà anh Trần Quang V ở khu 8, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ thuê anh V xăm hình nghệ thuật hết 500.000 đồng rồi bỏ nhà đi lang thang, không có nơi ở cố định và chi tiêu cá nhân hết 3.294.000 đồng, P không nhớ cụ thể nội dung và địa điểm mua sắm nên không có cơ sở xác minh và thu hồi; còn lại 26.000 đồng, P cất ở trong người được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P thu giữ cùng đôi dép lê màu đen có hoa văn màu trắng, P sử dụng khi trộm cắp tài sản của chị D.

Sau khi sự việc xảy ra, chị D đã có đơn trình báo đề nghị điều tra, làm rõ và xử lý đối tượng trộm cắp tài sản theo quy định, đồng thời giao nộp 01 đoạn tre dài 2,23 mét, một đầu vót nhọn, một đầu có đóng một chiếc đinh bằng kim loại, 01 túi xách giả da màu xám trắng, miệng túi được đóng mở bằng một khuy khóa, trên nắp túi gắn quai xách và một dây đeo giả da đồng màu cùng dữ liệu camera an ninh ghi lại hình ảnh P trộm cắp tài sản.

Phục vụ công tác điều tra, ngày 08/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của P ở khu 3, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét thu giữ 01 bộ quần áo P mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình chị D và 01 chiếc laptop nhãn hiệu DELL, loại máy Latitude E7440 Inter Core i5 4300M, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi trộm cắp tài sản của gia đình chị D ngày 06/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P còn làm rõ hành vi P trộm cắp chiếc laptop nhãn hiệu DELL, cụ thể như sau: Khoảng 03 giờ ngày 03/9/2021, P đi bộ lang thang từ nhà đến địa bàn phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ để trộm cắp tài sản. Khi đến ngõ 65, đường Sông Hồng thuộc khu dân cư P, phường P, thị xã P, P thấy nhà chị Mai Thanh B bật đèn sáng, trên mặt bàn kê sát cửa sổ có 01 chiếc laptop nhãn hiệu DELL, P thò tay qua song cửa trộm cắp chiếc laptop và mang về nhà để sử dụng.

Ngày 08/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phú Thọ xác định giá trị của chiếc laptop nhãn hiệu DELL. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49, ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Giá trị của chiếc laptop nhãn hiệu DELL là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tiền của gia đình chị D và chiếc laptop của chị Bình như trên. Căn cứ lời khai của P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tổ chức truy tìm chiếc khẩu trang và mảnh vải trùm đầu nhưng không có kết quả. Quá trình làm việc với anh Trần Quang V xác định, anh V không biết 500.000 đồng P trả công xăm hình nghệ thuật là tiền do P phạm tội mà có, anh V tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P và không yêu cầu P phải hoàn trả số tiền này. Chị Đỗ Thị D yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền trộm cắp là 3.820.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị D 1 túi xách và trả cho chị B chiếc laptop nhãn hiệu DELL, đã qua sử dụng và chị B không đề nghị gì.

Ngày 13/10/2021 và ngày 24/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã khởi tố vụ án và ngày 13/10/2021 khởi tố bị can Nguyễn Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận như sau: Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng. Khi bị bắt bị cáo đã giao nộp số tiền 26.000 đồng là số tiền còn lại khi trộm cắp tài sản của chị D và đôi dép lê màu đen có hoa văn màu trắng. Khi kiểm tra nhà bị cáo bị thu giữ 01 bộ quần áo P mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình chị D. Bị cáo không nhận lại đôi dép, quần áo và đề nghị tiêu hủy. Nay chị D yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền bị cáo đã chi tiêu cá nhân không thu hồi được, bị cáo đồng ý trả nhưng chưa có điều kiện trả. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-TXPT ngày 11/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị can Nguyễn Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, công bố bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn P từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 08/10/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, điều 584, điều 585, điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho chị Đỗ Thị D số tiền 3.294.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng).

-Về xử lý vật chứng và đồ vật bị tạm giữ: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn P: 01 đôi dép lê màu đen có hoa văn màu trắng, đã qua sử dụng, 01 quần sooc màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh trên ngực áo có ghi chữ “adidas” đã qua sử dụng để tiêu hủy và 01 đoạn tre dài 2,23 mét, 1 đầu vót nhọn, một đầu bằng có đóng 01 chiếc đinh bằng kim loại để tiêu hủy;

Trả lại cho chị Đỗ Thị D số tiền 526.000đ (Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Xác nhận ngày 27/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Đỗ Thị D 01 chiếc túi xách và trả cho chị Mai Thanh B 01 chiếc laptop nhãn hiệu DELL là hợp pháp;

-Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].*Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].*Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Vào khoảng 03 giờ ngày 03/9/2021 tại nhà ở của chị Mai Thanh B thuộc khu dân cư P, phường P, thị xã P,

tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn P đã trộm cắp 01 chiếc laptop nhãn hiệu DELL của chị Bình trị giá 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P thu giữ được chiếc laptop nhãn hiệu DELL trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Và vào khoảng 02 giờ ngày 06/10/2021 tại gia đình chị Đỗ Thị D ở khu dân cư T, phường Hù, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn P đã trộm cắp số tiền 3.820.000đ (Ba triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) của gia đình chị D, đã thu giữ được 526.000đ (Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Như vậy, Nguyễn Văn P đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị trộm cắp là 10.320.000đ (Mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.....”.

Đối với Trần Quang V khi nhận số tiền 500.000 đồng P trả công xăm hình nghệ thuật, V không biết là tiền do P phạm tội mà có, anh V tự nguyện giao nộp số tiền trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P và không yêu cầu P phải hoàn trả số tiền này nên Cơ quan điều tra Công an thị xã P nhắc nhở đối với V là phù hợp.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự. Bị cáo là người có sức khỏe, hiểu biết xã hội và pháp luật nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện mà có hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền sử dụng cá nhân. Bản thân bị cáo đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản và được đưa đi cải tạo giáo dục nhưng không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người không tốt, coi thường pháp luật nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo vì trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Mặc dù P đã chấp hành xong hình phạt 26 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của Bản án số 99/2016/HSST ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông,

thành phố Hà Nội ngày 24/4/2019, nộp xong án phí và về phân trách nhiệm dân sự các bị hại không yêu cầu P phải bồi thường, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án, P là người dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo rèn luyện, cải tạo được tội lỗi mà bị cáo đã phạm. Đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*:

Đối với số tiền 3.820.000 đồng bị cáo trộm cắp của gia đình chị D: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ được 526.000 đồng, còn lại 3.294.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, không thu giữ được, gia đình chị D yêu cầu P phải hoàn trả số tiền trên. Xét thấy yêu cầu của chị D là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị D số tiền 3.294.000 đồng;

Bị hại Mai Thanh B đã nhận lại chiếc laptop nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào và anh Trần Quang V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về vật chứng và đồ vật, tài liệu tạm giữ*:

Đối với số tiền 526.000 đồng, trong đó: anh V tự nguyện giao nộp 500.000 đồng và thu giữ của P 26.000 đồng là tiền do P trộm cắp tài sản của chị D, chị D yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trộm cắp nên trả lại cho chị D số tiền trên.

Đối với chiếc túi xách của chị D và chiếc laptop nhãn hiệu DELL bị cáo trộm cắp của chị B, đây là tài sản của chị D và chị B nên ngày 27/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp cần xác nhận.

Đối với 01 đoạn tre dài 2,23 mét, 1 đầu vót nhọn, một đầu bằng có đóng 01 chiếc đinh bằng kim loại là công cụ P dùng phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 đôi dép lê màu đen có hoa văn màu trắng và 01 bộ quần áo P mặc khi thực hiện hành vi phạm tội là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo không nhận lại và không có giá trị nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Phạt Nguyễn Văn P 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 08/10/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, điều 584, điều 585, điều 589; điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho chị Đỗ Thị D số tiền 3.294.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về xử lý vật chứng và đồ vật bị tạm giữ*: Áp dụng điểm a khoản 1; khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 01 đoạn tre dài 2,23 mét, 1 đầu vót nhọn, một đầu bằng có đóng 01 chiếc đinh bằng kim loại để tiêu hủy;

Trả lại cho chị Đỗ Thị D số tiền 526.000đ (Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Tịch thu bị cáo Nguyễn Văn P: 01 đôi dép lê màu đen có hoa văn màu trắng, đã qua sử dụng, 01 quần sooc màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh trên ngực áo có ghi chữ “adidas” đã qua sử dụng để tiêu hủy.

(Có đặc điểm, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự ngày 14/02/2022)

Xác nhận ngày 27/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Đỗ Thị D 01 chiếc túi xách và trả cho chị Mai Thanh B 01 chiếc laptop nhãn hiệu DELL là hợp pháp;

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự, tổng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền